

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS VIỆT HƯNG
Số: 36/TB-THCSVH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Biên, ngày 17 tháng 02 năm 2025

THÔNG BÁO
VỀ VIỆC NIÊM YẾT HỒ SƠ BA CÔNG KHAI TRONG NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2024 - 2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân có hiệu lực từ ngày 19/07/2024.

Căn cứ Kế hoạch số 145/KH-THCSVH ngày 01/08/2024 của trường THCS Việt Hưng về việc thực hiện công tác Ba công khai năm học 2024-2025;

Căn cứ tình hình, nhiệm vụ thực tế của nhà trường;

Trường THCS Việt Hưng thông báo về việc niêm yết nội dung ba công khai của nhà trường như sau:

Địa điểm niêm yết: Cổng thông tin điện tử, Bảng tin Phòng hội đồng Trường THCS Việt Hưng

Nội dung niêm yết ba công khai:

Công khai Quyết định số 5593/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 về việc giao quyền và kinh phí tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị trường học công lập thuộc quận Long Biên năm 2025.

Thời gian niêm yết: Từ ngày 17/02/2025 đến ngày 17/03/2025.

Yêu cầu: Hội đồng sư phạm nhà trường đọc kỹ nội dung ba công khai, nếu có ý kiến thắc mắc báo cáo với Ban chỉ đạo công tác Ba công khai của nhà trường hoặc đồng chí Hiệu trưởng, chậm nhất ngày cuối cùng thời gian công khai.

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Hoàng Hoa

BIÊN BẢN
NIÊM YẾT CÔNG KHAI

Căn cứ thông báo số 36/TB-THCSVH ngày 17/02/2025 về việc niêm yết hồ sơ ba công khai năm học 2024-2025 trong nhà trường.

I. Thời gian: 8h00 ngày 17/02/2022

II. Địa điểm : Phòng hội đồng Trường THCS Việt Hưng

III. Thành phần gồm :

1. Bà: Trịnh Hoàng Hoa - Chức vụ: Hiệu trưởng
2. Ông: Phan Đình Long - Chủ tịch công đoàn
3. Bà: Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Trưởng ban thanh tra nhân dân
4. Bà: Nguyễn Thị Thu Hương - Kế toán

IV. Với sự chứng kiến của :

1. Đ/c Nguyễn Thu Huyền - Nhân viên văn thư

V. Nội dung niêm yết hồ sơ 3 công khai:

1. Nội dung tài liệu công khai :

Công khai Quyết định số 5593/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 về việc giao quyền và kinh phí tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị trường học công lập thuộc quận Long Biên năm 2025.

2. Thời gian công khai : Từ ngày 17 tháng 02 năm 2025 đến ngày 17 tháng 03 năm 2025.

3. Địa điểm công khai: Phòng Hội đồng, cổng thông tin điện tử Trường THCS Việt Hưng

Biên bản được lập xong hồi 8h30 ngày 17 tháng 02 năm 2025, đã được thông qua các thành phần cùng nghe và nhất trí.

Sau khi đọc biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung và cùng kí vào biên bản.



Người chịu trách nhiệm công khai

Hiệu trưởng



Trịnh Hoàng Hoa

Ban thanh tra nhân dân

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Công đoàn



Phan Đình Long

**Người lập biên bản
Kế toán**

Nguyễn Thị Thu Hương

Người chứng kiến

**Nguyễn Thu Huyền
SĐT:0363 515 852**



QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao quyền và kinh phí tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị trường học công lập thuộc quận Long Biên năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 58/TTr-TCKH ngày 30/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao quyền tự chủ tài chính và kinh phí tự chủ đối với 94 trường học công lập thuộc quận Long Biên năm 2025, cụ thể như sau:

1. Giao quyền tự chủ tài chính đối với 94 trường học thuộc Quận, các trường được phân loại tự chủ tài chính như sau:

- Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên (Nhóm 2): 12 đơn vị.

+ Trường chất lượng cao: 03 đơn vị

+ Đơn vị thực hiện thí điểm đặt hàng cung cấp dịch vụ giáo dục sử dụng kinh phí Ngân sách Nhà nước: 09 đơn vị

- Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (Nhóm 3): 56 đơn vị, cụ thể:

- + Đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên: 01 đơn vị
- Trường THCS Chu Văn An (Đơn vị tự bảo đảm 92,2% chi thường xuyên).
- + Đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên: 55 đơn vị
- Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (Nhóm 4): 26 đơn vị.

(Chi tiết theo biểu 01, 02, 03, 04 đính kèm)

2. Kinh phí tự chủ đối với 94 trường học thuộc Quận, số tiền: 627.942.400.000 đồng, gồm:

- Ngân sách Quận đảm bảo, số tiền: 475.306.900.000 đồng
- Học phí (60%), nguồn Cải cách tiền lương và các khoản thu sự nghiệp được để lại theo quy định: 152.635.500.000 đồng

(Chi tiết theo biểu 01, 02, 03, 04 đính kèm)

* Nguồn kinh phí: Nguồn Ngân sách Nhà nước giao năm 2025 và nguồn thu sự nghiệp được để lại theo quy định.

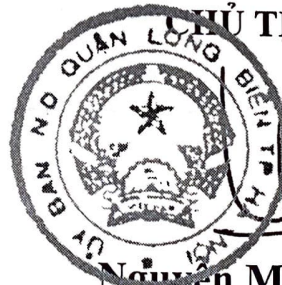
Điều 2. Căn cứ vào phân loại đơn vị sự nghiệp trên và kinh phí được giao, Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND Quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị ghi tại Điều 1, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Long Biên và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCKH (98b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Hà

**BIỂU 03: BIỂU TỔNG HỢP GIAO QUYỀN TỰ CHỦ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI
CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC QUẬN NĂM 2025**

Đơn vị: Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (Nhóm 3)

ĐVT: nghìn đồng

STT	Đơn vị	Kinh phí giao tự chủ					Mức tự bảo đảm chi thường xuyên	Ghi chú
		Tổng kinh phí	Trong đó					
			Ngân sách Quận đảm bảo	Thu tại đơn vị				
				Tổng thu	60% Học phí	60% Thu dịch vụ (Học 2 buổi/ngày, Chương trình liên kết, Năng khiếu, ...)		
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>
	TỔNG CỘNG	273.476.400	217.213.300	56.263.100	30.599.100	25.664.000		
A	Đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên	22.018.700	1.710.700	20.308.000	-	20.308.000		
I	Khối THCS	22.018.700	1.710.700	20.308.000	-	20.308.000		
1	THCS Chu Văn An	22.018.700	1.710.700	20.308.000	-	20.308.000	92,2%	Đơn vị thu dịch vụ theo mô hình trường chất lượng cao
B	Đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên	251.457.700	215.502.600	35.955.100	30.599.100	5.356.000		
I	Khối Mầm non	131.570.000	116.495.600	15.074.400	15.074.400	-		
1	Mầm non Ánh Sao	3.971.500	3.522.000	449.500	449.500	-	11,3%	
2	Mầm non Ban Mai Xanh	4.674.000	4.127.600	546.400	546.400	-	11,7%	
3	Mầm non Bắc Biên	3.048.000	2.696.100	351.900	351.900	-	11,5%	
4	Mầm non Bắc Cầu	1.845.500	1.630.000	215.500	215.500	-	11,7%	
5	Mầm non Bò Đê	3.036.000	2.688.800	347.200	347.200	-	11,4%	
6	Mầm non Cự Khối	4.177.500	3.699.200	478.300	478.300	-	11,4%	
7	Mầm non Đức Giang	3.467.000	3.073.600	393.400	393.400	-	11,3%	
8	Mầm non Gia Quất	3.350.500	2.971.700	378.800	378.800	-	11,3%	
9	Mầm non Gia Thượng	5.346.000	4.747.400	598.600	598.600	-	11,2%	
10	Mầm non Gia Thụy	3.663.500	3.251.500	412.000	412.000	-	11,2%	
11	Mầm non Giang Biên	3.448.000	3.050.900	397.100	397.100	-	11,5%	
12	Mầm non Hoa Anh Đào	5.671.500	5.029.200	642.300	642.300	-	11,3%	

STT	Đơn vị	Kinh phí giao tự chủ					Mức tự bảo đảm chi thường xuyên	Ghi chú
		Tổng kinh phí	Trong đó					
			Ngân sách Quận đảm bảo	Thu tại đơn vị				
				Tổng thu	60% Học phí	60% Thu dịch vụ (Học 2 buổi/ngày, Chương trình liên kết, Năng khiếu, ...)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
13	Mầm non Hoa Hướng Dương	4.238.500	3.753.500	485.000	485.000	-	11,4%	
14	Mầm non Hoa Mai	4.121.000	3.649.900	471.100	471.100	-	11,4%	
15	Mầm non Hoa Mộc Lan	4.048.500	3.571.600	476.900	476.900	-	11,8%	
16	Mầm non Hoa Phượng	1.905.000	1.678.700	226.300	226.300	-	11,9%	
17	Mầm non Hoa Sen	2.094.500	1.849.900	244.600	244.600	-	11,7%	
18	Mầm non Hoa Sứ	4.708.500	4.186.000	522.500	522.500	-	11,1%	
19	Mầm non Hoa Thủy Tiên	4.443.000	3.933.400	509.600	509.600	-	11,5%	
20	Mầm non Hoa Trạng Nguyên	3.806.000	3.361.700	444.300	444.300	-	11,7%	
21	Mầm non Hồng Tiến	5.786.000	5.127.400	658.600	658.600	-	11,4%	
22	Mầm non Long Biên A	3.602.500	3.191.600	410.900	410.900	-	11,4%	
23	Mầm non Năng Mai	4.210.000	3.717.800	492.200	492.200	-	11,7%	
24	Mầm non Ngọc Thụy	4.680.000	4.148.000	532.000	532.000	-	11,4%	
25	Mầm non Nguyệt Quế	2.011.000	1.762.900	248.100	248.100	-	12,3%	
26	Mầm non Phúc Đồng	5.259.500	4.670.400	589.100	589.100	-	11,2%	
27	Mầm non Phúc Lợi	3.135.000	2.775.100	359.900	359.900	-	11,5%	
28	Mầm non Sơn Ca	3.340.500	2.961.400	379.100	379.100	-	11,3%	
29	Mầm non Tân Mai	2.692.500	2.384.300	308.200	308.200	-	11,4%	
30	Mầm non Thạch Bàn	5.960.500	5.277.000	683.500	683.500	-	11,5%	
31	Mầm non Thạch Cầu	2.736.500	2.421.600	314.900	314.900	-	11,5%	
32	Mầm non Thượng Thanh	1.989.000	1.756.000	233.000	233.000	-	11,7%	
33	Mầm non Tràng An	5.359.000	4.751.300	607.700	607.700	-	11,3%	
34	Mầm non Tuổi Hoa	3.253.000	2.879.400	373.600	373.600	-	11,5%	
35	Mầm non Việt Hưng	2.491.000	2.198.700	292.300	292.300	-	11,7%	
II	Khối THCS	119.887.700	99.007.000	20.880.700	15.524.700	5.356.000		

STT	Đơn vị	Kinh phí giao tự chủ					Mức tự bảo đảm chi thường xuyên	Ghi chú
		Tổng kinh phí	Trong đó					
			Ngân sách Quận đảm bảo	Thu tại đơn vị				
				Tổng thu	60% Học phí	60% Thu dịch vụ (Học 2 buổi/ngày, Chương trình liên kết, Năng khiếu, ...)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	THCS Bồ Đề	5.565.500	4.567.200	998.300	717.300	281.000	17,9%	
2	THCS Cự Khối	5.633.000	4.577.300	1.055.700	766.700	289.000	18,7%	
3	THCSĐT Việt Hưng	5.918.700	4.815.500	1.103.200	805.200	298.000	18,6%	
4	THCS Đức Giang	6.908.200	5.760.600	1.147.600	864.600	283.000	16,6%	
5	THCS Gia Quất	4.205.100	3.401.100	804.000	575.000	229.000	19,1%	
6	THCS Giang Biên	5.606.500	4.630.700	975.800	776.800	199.000	17,4%	
7	THCS Lê Quý Đôn	5.363.700	4.384.400	979.300	784.300	195.000	18,3%	
8	THCS Long Biên	9.035.100	7.397.200	1.637.900	1.247.900	390.000	18,1%	
9	THCS Lý Sơn	2.893.800	2.509.200	384.600	289.600	95.000	13,3%	
10	THCS Lý Thường Kiệt	6.822.100	5.690.600	1.131.500	921.500	210.000	16,6%	
11	THCS Ngô Gia Tự	5.856.000	5.043.200	812.800	591.800	221.000	13,9%	
12	THCS Ngọc Thụy	8.395.100	6.760.800	1.634.300	1.169.300	465.000	19,5%	
13	THCS Nguyễn Bình Khiêm	5.006.900	4.189.100	817.800	750.800	67.000	16,3%	
14	THCS Nguyễn Gia Thiều	3.917.200	3.097.400	819.800	524.800	295.000	20,9%	
15	THCS Phúc Đồng	4.413.300	3.716.200	697.100	528.100	169.000	15,8%	
16	THCS Phúc Lợi	5.435.000	4.534.900	900.100	682.100	218.000	16,6%	
17	THCS Thạch Bàn	12.174.400	9.989.000	2.185.400	1.605.400	580.000	18,0%	
18	THCS Thanh Am	5.024.900	4.111.200	913.700	643.700	270.000	18,2%	
19	THCS Thượng Thanh	6.117.600	5.137.500	980.100	667.100	313.000	16,0%	
20	THCS Việt Hưng	5.595.600	4.693.900	901.700	612.700	289.000	16,1%	